

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 3925/QĐ-BNV ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 65/TTr-SNV ngày 20/01/2017;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là biên chế sự nghiệp), chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2017 cho các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố như sau:

1. Tổng biên chế công chức, sự nghiệp được giao: **32.169** biên chế. Trong đó:

- Biên chế công chức: 2.444 biên chế;

- Biên chế sự nghiệp: 29.725 biên chế.

2. Tổng biên chế sự nghiệp dự phòng: **156** biên chế.

3. Tổng chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ được phân bổ là **258** chỉ tiêu. Trong đó:

- Cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh: 103 chỉ tiêu;
- Đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, thuộc sở, ngành: 155 chỉ tiêu.

(Chỉ tiêu biên chế cụ thể của các cơ quan, đơn vị theo Phụ lục số 1, 2 đính kèm Quyết định này)

Điều 2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý, sử dụng chỉ tiêu biên chế được giao tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP và Nghị định số 41/2012/NĐ-CP.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12.

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục 1

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**

CÔNG LẬP TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định  QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017						Ghi chú
		Tổng cộng	Chia ra					
			Công chức	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	Sự nghiệp khác	
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	32.169	2.444	21.384	6.160	624	1.557	
I	CẤP TỈNH	13.046	1.429	4.011	6.160	364	1.082	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	34	34					
2	Văn phòng UBND tỉnh	67	51				16	
3	Sở Nội vụ	86	73				13	
4	Sở Ngoại vụ	21	21					
5	Ban Dân tộc	18	18					
6	Sở Tư pháp	85	33				52	
7	Thanh tra tỉnh	43	43					
8	Sở Tài chính	67	67					
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	268	71				197	
10	Sở Văn hoá và Thể thao	345	36	60		225	24	
11	Sở Du lịch	31	20				11	
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	58	44				14	
13	Sở Công Thương	145	127				18	
14	Sở Xây dựng	74	66				8	
15	Sở Giao thông vận tải	61	61					
16	Sở Thông tin và Truyền thông	38	27				11	
17	Sở Khoa học và Công nghệ	96	42				54	
18	Sở Nông nghiệp và PTNT	771	369	79			323	
19	Sở Lao động - TB và XH	293	51	77			165	
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.599	50	3.549				
21	Sở Y tế	6.238	74		6.160		4	
22	Ban Quản lý Khu kinh tế	107	51				56	
23	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	24					24	
24	Văn phòng Ban ATGT tỉnh	5					5	
25	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh	5					5	Giao chung với Sở Tài nguyên và Môi trường
26	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh	20					20	
27	Đài Phát thanh và Truyền hình	139				139		
28	Trường Cao đẳng Bình Định	117		117				

STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017						Ghi chú
		Tổng cộng	Chia ra					
			Công chức	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	Sự nghiệp khác	
29	Trường Cao đẳng Y tế	94		94				
30	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh	10					10	
31	Hội Nhà báo	5					5	
32	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	14					14	
33	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	17					17	
34	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	9					9	
35	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	1					1	
36	Quỹ Bảo vệ môi trường	5					5	Giao chung với Sở Tài nguyên và Môi trường
37	Ban Quản lý Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo tỉnh	1					1	Giao chung với Sở Y tế
38	Các đơn vị sự nghiệp thuộc khối Đảng, Đoàn thể	35		35				Giao qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy
II	CẤP HUYỆN	19.115	1.007	17.373		260	475	
1	Thành phố Quy Nhơn	2.710	147	2.410		33	120	
2	Thị xã An Nhơn	2.051	90	1.902		22	37	
3	Huyện Tuy Phước	2.147	90	2.004		23	30	
4	Huyện Tây Sơn	1.749	84	1.602		25	38	
5	Huyện Phù Cát	2.479	86	2.332		22	39	
6	Huyện Phù Mỹ	2.249	87	2.099		23	40	
7	Huyện Hoài Ân	1.271	86	1.131		22	32	
8	Huyện Hoài Nhơn	2.384	94	2.222		23	45	
9	Huyện Vân Canh	622	81	496		20	25	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	721	81	586		21	33	
11	Huyện An Lão	732	81	589		26	36	
III	BIÊN CHẾ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THU HÚT	8	8					Có Quyết định cụ thể của UBND tỉnh

Phụ lục 2
CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
GIAO CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: **297** /QĐ-UBND ngày **07** /02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu được duyệt năm 2016 và các năm trước			Chỉ tiêu giao năm 2017			Ghi chú
		Tổng cộng	Chia ra		Tổng cộng	Chia ra		
			Cơ quan hành chính	Đơn vị sự nghiệp		Cơ quan hành chính	Đơn vị sự nghiệp	
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	254	103	151	258	103	155	
I	CẤP TỈNH	230	96	134	234	96	138	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	4	4		4	4		
2	Văn phòng UBND tỉnh	15	15		15	15		
3	Sở Nội vụ	6	6		6	6		
	Cơ quan Văn phòng Sở	2	2		2	2		Còn 01 chỉ tiêu hợp đồng lái xe chưa giao
	Ban Thi đua - Khen thưởng	1	1		1	1		
	Ban Tôn giáo	2	2		2	2		
	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	1	1		1	1		
4	Sở Ngoại vụ	3	3		3	3		
5	Ban Dân tộc	2	2		2	2		
6	Sở Tư pháp	3	3		3	3		
7	Thanh tra tỉnh	3	3		3	3		
8	Sở Tài chính	3	3		3	3		
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	3		3	3		
10	Sở Văn hoá và Thể thao	28	3	25	31	3	28	
	Cơ quan Văn phòng Sở	3	3		3	3		
	Ban Quản lý di tích	13		13	16		16	Tăng 3 chỉ tiêu cho Khu di tích Tháp Đôi
	Bảo tàng Quang Trung	2		2	2		2	

STT	Cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu được duyệt năm 2016 và các năm trước			Chỉ tiêu giao năm 2017			Ghi chú
		Tổng cộng	Chia ra		Tổng cộng	Chia ra		
			Cơ quan hành chính	Đơn vị sự nghiệp		Cơ quan hành chính	Đơn vị sự nghiệp	
	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao	5		5	5		5	
	Trường Năng khiếu thể thao	5		5	5		5	Chi từ kinh phí đào tạo hàng năm được phân bổ cho Trường
11	Sở Du lịch	3	3		3	3		
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư							Còn 03 chỉ tiêu chưa giao (lái xe, bảo vệ, phục vụ)
13	Sở Công Thương	12	12		12	12		
	Cơ quan Văn phòng Sở	2	2		2	2		Còn 01 chỉ tiêu hợp đồng bảo vệ chưa giao
	Chi cục Quản lý thị trường	10	10		10	10		
14	Sở Xây dựng	3	3		3	3		
15	Sở Giao thông vận tải	3	3		3	3		
16	Sở Thông tin và Truyền thông	3	3		3	3		
17	Sở Khoa học và Công nghệ	3	3		3	3		
18	Sở Nông nghiệp và PTNT	13	13		13	13		
	Cơ quan Văn phòng Sở	2	2		2	2		Còn 01 chỉ tiêu hợp đồng lái xe chưa giao
	Chi cục Kiểm lâm	11	11		11	11		
19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3	3		3	3		
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	93	3	90	93	3	90	Các Trường THPT 90 chỉ tiêu
21	Sở Y tế	2	2		2	2		Còn 01 chỉ tiêu hợp đồng lái xe chưa giao
22	Ban Quản lý Khu kinh tế	18	3	15	18	3	15	Đội bảo vệ KCN Phú Tài và Long Mỹ 15 chỉ tiêu
23	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	2		2	2		2	
24	Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH tỉnh	2		2	2		2	
25	Liên hiệp các Hội KH và KT tỉnh				1		1	Tăng 01 chỉ tiêu hợp đồng lái xe

STT	Cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu được duyệt năm 2016 và các năm trước			Chỉ tiêu giao năm 2017			Ghi chú
		Tổng cộng	Chia ra		Tổng cộng	Chia ra		
			Cơ quan hành chính	Đơn vị sự nghiệp		Cơ quan hành chính	Đơn vị sự nghiệp	
II	CẤP HUYỆN	17		17	17		17	
1	Thành phố Quy Nhơn	5		5	5		5	Giữ nguyên trạng khi chuyển giao Trung tâm GDTX - HN về thành phố quản lý
2	Huyện Tuy Phước	2		2	2		2	Giữ nguyên trạng khi chuyển giao Trung tâm GDTX - HN về huyện quản lý
3	Huyện Phù Mỹ	2		2	2		2	Giữ nguyên trạng khi chuyển giao Trung tâm GDTX - HN về huyện quản lý
4	Huyện Hoài Nhơn	4		4	4		4	Giữ nguyên trạng khi chuyển giao Trung tâm GDTX - HN về huyện quản lý
5	Huyện Vĩnh Thạnh	2		2	2		2	Giữ nguyên trạng khi chuyển giao Trung tâm GDTX - HN về huyện quản lý
6	Huyện An Lão	2		2	2		2	Giữ nguyên trạng khi chuyển giao Trung tâm GDTX - HN về huyện quản lý
III	CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG CÒN LẠI	7	7		7	7		